|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN ĐẮK SONG  **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**    Số: /BC- TH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Đắk N’Drung, ngày tháng 5 năm 2023* |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**ỨNG DỤNG CNTT VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 – 2023**

# I. Tình hình chung (đặc điểm tình hình, thuận lợi, khó khăn):

**-** Nhà trường luôn nhận thấy tầm quan trọng, sự hiệu quả và ảnh hưởng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học đã được khẳng định bằng thực tiễn ở đơn vị và trở thành xu thế tất yếu của giáo dục.

Ngành Giáo dục và Đào tạo nhiều năm qua đã triển khai nhiều biện pháp quản lý, chỉ đạo nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại các nhà trường. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cần thiết cho việc ứng dụng công nghệ thông tin được đầu tư, việc kết nối Internet được thực hiện, hầu hết nhà trường đều đã trang bị phòng máy tính, smart TV đáp ứng tương đối đầy đủ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập; kho bài giảng điện tử, kho tài liệu tham khảo và bài giảng PowerPoint được xây dựng online trên website của trường do ngành cấp, nhiều phần mềm hỗ trợ công tác quản lý, dạy học được áp dụng rộng rãi...

- Trong thời gian qua nhà trường đã có kế hoạch duy trì và phát triển trang website một cách hiệu quả phục vụ cho công tác dạy học, là kênh thông tin giữa nhà trường với giáo viên, học sinh, phụ huynh và xã hội. Các thông tin nội dung được duy trì thường xuyên và có tính thời sự các nội dung của nhà trường, của ngành được đăng tải rộng rãi đến cha mẹ học sinh.

- Xây dựng website của nhà trường dần trở thành trang thông tin mạnh, phục vụ công tác của nhà trường là kho dữ liệu bổ ích cho giáo viên và học sinh là công cụ quảng bá chính thống của nhà trường.

# II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ

**1. Công tác chỉ đạo điều hành**

- Có đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành công tác chuyển đổi số trong nhà trường theo công văn 4725 của Bộ giáo dục và đào tạo.

# 2. Một số kết quả nổi bật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

# - Thực hiện hiệu quả việc giảng dạy trực tuyến áp dụng chuyển đổi số hiệu quả trong thời gian giản cách do dịch covid 19. Hệ thống thông tin quản lý của nhà trường được lưu trữ đảm bảo, công tác truyền thông, kết nối đến CMHS, xã hội được duy trì và phát triển đảm bảo tốt.

# 3.Một số kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung | Trả lời | |
| **3.1.Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá** |  |  |
| **Kết quả triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp:** |  |  |
| Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS) | Có |  |
| Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính | Có |  |
| Tổng số học liệu (được người đứng đầu CSGD phê duyệt theo bậc học) hiện có bao nhiêu? | 32 |  |
| Học liệu năm học 2022-2023 xây dựng được: …. học liệu | 14 |  |
| 3.2. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị CSGD và quản lý nhà nước về giáo dục |  |  |
| Triển khai phần mềm quản trị trường học | Có |  |
| Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử | Có |  |
| Triển khai chữ ký số | Có |  |
| Số giáo viên đã được cấp chữ ký số: 11 giáo viên | 11 |  |
| Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt | Có |  |
| 3.3. Hạ tầng, thiết bị phục vụ dạy tin học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số |  |  |
| Có mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh | Có |  |
| Có phòng phát triển học liệu (phòng studio) | Có |  |
| Đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức nào (1, 2 hoặc 3) theo QĐ4725 | 1 |  |
| 3.4.Việc tổ chức triển khai công tác báo cáo thống kê CSDL |  |  |
| Báo cáo thống kê kỳ đầu năm (Đúng hạn, trễ hạn) | Đúng |  |
| Báo cáo thống kê kỳ cuối năm (Đúng hạn, trễ hạn) | Đúng |  |
| 3.5. Phát triển nguồn nhân lực số phục vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số | Số lượng | Tỉ lệ |
| -Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến | 33/33 | 100% |
| Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số | 18/33 | 55% |
| Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị | 10/33 | 30% |
| Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin | 3/33 | 10% |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm tiêu chí** | **Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1)** | | **Mức đáp ứng cơ bản**  **(Mức độ 2)** | | **Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)** | |
| Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % |
| **1** | **Chuyển đổi số trong dạy, học** | 11 | 33% | 11 | 33% | 11 | 33% |
| **2** | **Chuyển đổi số trong quản trị CSGD** |  |  | 22 | 66% | 11 | 33% |

* 1. Khó khăn, vướng mắc

Cơ sở hà tầng còn hạn chế, cần được bồi dưỡng về đội ngũ.

* 1. Kiến nghị, đề xuất

Cấp trên có kế hoạch bồi dưỡng thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

# 4. Dự kiến nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chính về triển khai ứng dụng CNTT năm học 2023-2024

Nâng cao công tác ứng dụng chuyển đổi số vào quản lý, hoạt động dạy và học đạt hiệu quả cao.

# 5. Đề xuất, kiến nghị

**HIỆU TRƯỞNG**

**Kéo xuống dưới Kèm phụ lục cuối trang**

**PHỤ LỤC**

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Kết quả hội đồng tự đánh giá (các trường Tiểu học và Trung học cơ sở)** | | | | | | | | | | | | | |
| **Chuyển đổi số trong dạy, học (100 điểm)** | | | | | | | **Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (100 điểm)** | | | | **Điểm**  **Dạy học** | **Điểm**  **Quản trị** | **Tổng** |
| **Tên đơn vị** | 1.1 (có/không) | 1.2 (có/không) | 1.3 (30đ) | 1.4 (10đ) | 1.5 (20đ) | 1.6 (20đ) | 1.7 (20đ) | 2.1 (có/không) | 2.2 (có/không) | 2.3 (70đ) | 2.4(30đ) |
| 1 | Trường | có | có |  |  |  |  |  | có | có |  |  |  |  |  |

**(PGDĐ xây dựng đề cường báo cáo này Theo hướng dẫn nhiệm vụ cv 963/SGDĐT-VP, ngày 1/6/2023, các trường hoàn thành:**

1. **Báo cáo trên+Phụ lục thống kê; 2. PL QDD4725 và minh chứng dẫn link trong phụ lục lưu trên web và google drive)**
2. **lưu trữ báo cáo + PL QDD4725 + minh chứng các loại văn bản trên web**
3. **Hồ sơ mang về PGDĐT gồm 2 bộ đóng cuốn, mỗi bộ gồm: (1. Báo cáo CĐS mẫu trên có xác nhận của đơn vị; 2. PL QĐ4725 chấm điểm, minh chứng(link), thống kê kết quả) khi đi mang theo máy tính có kết nối mạng internet phục vụ kiểm tra, lấy minh chứng.**